

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư thành phố Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư thành phố Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 146/TTr-SXD ngày 27/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư thành phố Lạng Sơn như sau:

- Tên dự án: Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư thành phố Lạng Sơn.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Lạng Sơn.
- Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng tuyến đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư thành phố Lạng Sơn nhằm thực hiện chỉnh trang đô thị, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối với các khu vực trung tâm góp phần đưa thành phố Lạng Sơn đạt tối đa các tiêu chí đô thị loại II, từng bước nâng cao các tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị đạt đô thị loại I, thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 40-NQ/TU ngày 05/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thành phố Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035.

Tạo lập khu dân cư mới hiện đại, có không gian, kiến trúc cảnh quan đẹp và đồng bộ cơ sở hạ tầng, kết nối với các khu vực trung tâm thành phố tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt, liên hoàn, góp phần chỉnh trang đô thị, thúc đẩy phát triển khu vực phía Đông thành phố và khu vực dọc bờ sông Kỳ Cùng về phía Nam, kết nối với khu vực xã Mai Pha, khai thác có hiệu quả quỹ đất ven sông Kỳ Cùng, tiếp tục thực hiện các dự án trong tương lai, tạo nguồn lực phát triển đô thị... Đồng thời, xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tạo thêm quỹ đất ở tái định cư tại chỗ, tái định cư một số dự án khác trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

5. Quy mô đầu tư xây dựng:

Tổng diện tích thực hiện dự án là 24,51 ha (*không bao gồm diện tích nhà máy nước cũ 2,5ha*). Trong đó: diện tích phạm vi 1 rộng 13,06 ha; diện tích phạm vi 2 thuộc dự án rộng 11,45 ha. Giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án với diện tích 24,51 ha và đầu tư xây dựng các công trình thuộc phạm vi 1 của dự án (chưa đầu tư xây dựng công trình thuộc phạm vi 2), gồm các công trình sau:

- Tuyến đường Lý Thái Tổ (kéo dài): chiều dài tuyến 1.127,27m. Các hạng mục xây dựng chính bao gồm nền mặt đường, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, PCCC, chiếu sáng, hào kỹ thuật, kè nền đường.

- Xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường giao thông nội bộ khu vực phạm vi 1 của dự án, hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư, tái định cư và các khu đất chức năng theo quy hoạch dự án, cụ thể như sau:

- + San nền: diện tích 66.347,26 m².

- + Đường giao thông: 11 tuyến, tổng chiều dài các tuyến 2.423,43 m.

- + Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp nước; phòng cháy chữa cháy; ống bó kỹ thuật, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh, bãi đỗ xe.

- + Tường chắn và lan can dọc bờ sông, chiều dài 480m; kè bê tông bờ sông Kỳ Cùng, chiều dài kè 180m; kè gạch, chiều dài 193m.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Nhà thầu khảo sát: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Hà Nội.

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Hà Nội - Công ty cổ phần Thiết kế và xây dựng Kim Quang - Công ty cổ phần Xây dựng và Cơ điện AA.

7. Địa điểm xây dựng: phường Đông Kinh và xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất của dự án: 24,51 ha.

9. Loại, nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án:

- Loại, nhóm dự án: dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp, nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: công trình giao thông, cấp I và công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- QCXD 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- TCXDVN 104:2007 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước.

- TCVN 9116:2012 Công hộp bê tông cốt thép.

- TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4037:2012 Cấp nước - Thuật ngữ và định nghĩa.

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5847:2016 Cột điện bê tông cốt thép ly tâm.

- TCXDVN 333:2005 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng.

- TCXDVN 259: 2001 Chiếu sáng nhân tạo đường phố, quảng trường đô thị.

- TCVN 7997:2009 Cáp điện lực đi ngầm trong đất - Phương pháp lắp đặt.

- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

12. Giải pháp thiết kế cơ sở

12.1. Tuyến đường Lý Thái Tổ (kéo dài):

- Điểm đầu tuyến: giao với tuyến đường Bà Triệu tại nút giao Bà Triệu - Lý Thái Tổ.

- Điểm cuối tuyến: giao với đường Phai Vệ.

- Tổng chiều dài tuyến: $L = 1.127,27\text{m}$.

- Mặt bằng tuyến: thiết kế dự án theo Quy hoạch chi tiết xây dựng phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số

1616/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

- Cấp tải trọng:
 - + Tải trọng thiết kế nền, mặt đường: xe tiêu chuẩn tải trọng trục 10T.
 - + Tải trọng thiết kế cống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật: tải trọng HL-93.
- Độ dốc dọc nhỏ nhất 0,04%; độ dốc dọc lớn nhất: 1.62%.
- Quy mô mặt cắt ngang thiết kế như sau:
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 15,0\text{m}$;
 - + Bề rộng vỉa hè trái: $B_{\text{hè trái}} = 6,0\text{m}$;
 - + Bề rộng vỉa hè phải: $B_{\text{hè phải}} = 6,0\text{m}$;
 - + Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = B_{\text{mặt}} + B_{\text{hè}} = 27,0\text{m}$.
- Vận tốc thiết kế: 60km/h (chậm trước đoạn tuyến từ Km 0+00 đến Km 0+415,21m tốc độ thiết kế 40km/h).
- Kết cấu mặt đường:
 - + Kết cấu làm mới KC1 (áp dụng đối với những vị trí làm mới kết cấu và các kết cấu mở rộng móng): mặt đường cấp cao A1, tầng mặt bằng bê tông nhựa asphalt, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155 \text{ MPa}$, tải trọng thiết kế 100kN. Với kết cấu từ trên xuống dưới như sau: 5cm BTN chặt 12.5 (BTNC 12.5); tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 ; BTN chặt 19 (BTNC 19) dày 7cm; lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m^2 ; 18cm cấp phối đá dăm loại 1; 36cm cấp phối đá dăm loại 2; nền đất đầm chặt $K = 0,98$, dày 30cm.
 - + Kết cấu tăng cường KC2 (áp dụng đối với những vị trí tăng cường mặt đường hiện trạng là bê tông nhựa, từ Km0+0.00 đến Km0+258.45): 5cm BTN chặt 12.5 (BTNC 12.5); tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 ; 7cm BTN chặt 19 (BTNC 19); lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn 1kg/m^2 ; bù vênh BTN chặt 19; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 ; mặt đường bê tông nhựa hiện trạng.
 - + Kết cấu vượt nối KC3 (áp dụng tại những vị trí vượt nối về mặt đường cũ, vượt nối đường ngang): 5cm BTN chặt 12.5 (BTNC 12.5); bù vênh BTN chặt 12.5; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 .
- Hè đường:
 - + Hè đường thiết kế với độ dốc 2% dốc vào phía lòng đường.
 - + Hè được lát bằng gạch bê tông mài mặt màu xám điểm đá đen, kích thước: (40x40x4,5)cm, lớp vữa lót dày 2cm mác 75; bê tông xi măng cấp độ bền B12.5 (M150) đá 2x4 dày 8cm trên lớp lót bạt dứa chống thấm. Nền đất hè được đầm K95 dày 20cm;
 - Bó vỉa và đan rãnh: sử dụng loại bó vỉa vát bê tông xi măng cấp độ bền M500 giả đá kích thước (26x23x100)cm trên đoạn thẳng và (26x23x25)cm đối với những đoạn vỉa hè nằm trong đường cong; tấm đan rãnh sử dụng bê tông xi

măng cấp độ bền M500 giả đá, kích thước: (50x30x6)cm.

- Giải pháp thoát nước mưa:

+ Dọc theo tuyến đường thiết kế tuyến cống tròn khẩu độ D600, D800 và D1000 thu gom nước mưa mặt đường. Nước mưa từ mặt đường, vỉa hè chảy về hệ thống đan rãnh sau đó chảy về các ga thu trực tiếp, qua hệ thống cống D300 và chảy sang tuyến cống tròn D600, D800 và D1000 được đặt dưới vỉa hè.

+ Hướng thoát nước: đoạn từ Km 0+0.00 đến Km0+185 (nước mưa mặt đường được thu gom bằng hệ thống hố ga thu nước rồi chảy về đầu tuyến và kết nối với hố ga tại Sở Công Thương); đoạn từ Km0+185 đến cuối tuyến (nước mưa được thu gom bằng hệ thống hố ga thu nước rồi xả vào cống hộp 3x3m, chảy ra sông).

+ Ga thu, ga thăm cấu tạo bằng bê tông cốt thép, nắp ga thăm và tấm thu nước bằng vật liệu gang đúc.

- Giải pháp thoát nước thải: hướng thoát nước thải từ cuối tuyến thoát về đầu tuyến, xả vào hệ thống thoát nước trước Sở Tư pháp. Rãnh thoát nước thải B300 bằng gạch không nung xây vữa xi măng mác 75 trên lớp móng bê tông xi măng mác 150.

- Kè tường chắn (trái tuyến): chiều dài 162.62m. Trong đó từ Km0+271.44 - Km0+388.45, chiều dài 117.01m; từ Km0+388.24 - Km0+433.85 chiều dài 45.61m, sử dụng kết cấu kè đá hộc xây vữa xi măng M75, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Kè tường chắn (phải tuyến): chiều dài 21,79m từ Km0+406.91 đến Km0+428.70, sử dụng kết cấu kè đá hộc xây vữa xi măng M75, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Hệ thống hào kỹ thuật: hào kỹ thuật được thiết kế trên hè đường dọc theo tuyến, cao độ đỉnh hào thấp hơn cao độ mặt hè đường 30cm, kích thước (1,4x1,4)m, kết cấu bằng bê tông cốt thép mác 250. Tại các vị trí giao nhau, chuyển hướng và trên đường thẳng (trung bình 60-80m) thiết kế hố ga kỹ thuật bằng bê tông cốt thép mác 250 có bậc thang lên xuống.

- Hệ thống vạch sơn, biển báo an toàn giao thông được đầu tư hoàn chỉnh.

- Cây xanh bóng mát: cây xanh được trồng với khoảng cách trung bình 10m/cây; cây bóng mát có chiều cao tối thiểu 5,0m và đường kính thân cây (tại vị trí 1,3m tính từ mặt đất) từ (20 - 25)cm. Chiều cao và tán cây đảm bảo không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông, chiều cao phát triển từ (6-8)m.

12.2. Khu dân cư, tái định cư:

- San nền: tổng diện tích san nền 66.347,26 m², gồm 17 lô đất.

+ Thiết kế san nền theo từng lô đất riêng, tách biệt với phần mặt bằng giao thông.

+ Hướng dốc san nền từ Đông sang Tây, Đông Bắc sang Tây Nam của dự án.

+ Cao độ san nền cao nhất +263,46; cao độ san nền thấp nhất +252,25m.

+ Độ dốc san nền từ 0,8% đến 2,5%.

+ Một số đoạn tiếp giáp với hiện trạng xung quanh dự án không hạn chế về giải phóng mặt bằng, đắp mái taluy 1/1,5.

+ Đắp nền độ chặt $K=0,90$.

- Hệ thống đường giao thông: gồm 11 tuyến đường nội bộ với tổng chiều dài 2.423,43 m, cụ thể:

STT	Tên tuyến	Chiều dài	Bề rộng nền đường	Bề rộng mặt đường	Bề rộng vỉa hè (Trái+Phải)	Giải phân cách giữa
1.	Tuyến 1	60,83m	11,5m	5,5m	2x3,0m	
2.	Tuyến 2	110,51m	16,5m	7,50m	2x4,5m	
3.	Tuyến 3	265,23m	16,5m	7,50m	2x4,5m	
4.	Tuyến 4	409,74m	11,5m	5,5m	2x3,0m	
5.	Tuyến 5	566,01m	11,5m	5,5m	2x3,0m	
6.	Tuyến 6	168,17m	32,00m	2x7,50m	2x4,5m	8,0m
7.	Tuyến 7	76,03m	12,00m	7,50m	4,5m	
8.	Tuyến 8	168,17m	11,5m	5,5m	2x3,0m	
9.	Tuyến 9	355,69m	11,5m	5,5m	2x3,0m	
10.	Tuyến 10	88,31m	12,00m	7,50m	4,5m	
11.	Tuyến 11	154,74m	11,5m	5,5m	2x3,0m	

+ Tốc độ thiết kế 30km/h.

+ Độ dốc dọc thiết kế nhỏ nhất $i=0\%$, độ dốc dọc thiết kế lớn nhất $i=1,01\%$;

+ Mặt đường thiết kế dốc 2 mái, độ dốc ngang $i=2\%$; fè dốc về mép vỉa hè, độ dốc hè $i=2\%$.

+ Kết cấu áo đường: tải trọng trục tiêu chuẩn tính toán là trục đơn của ô tô có trọng lượng 100kN; áp lực tính toán lên mặt đường $p=0.6\text{Mpa}$; đường kính vệt bánh xe $D=33\text{cm}$. Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 với $E_{yc} \geq 120\text{Mpa}$. Các lớp từ trên xuống dưới bao gồm mặt đường bê tông nhựa chặt (BTN 12,5) rải nóng dày 4cm; tưới nhựa dính bám bằng nhựa lỏng đông đặc nhanh RC70, tiêu

chuẩn $0,5\text{kg}/\text{m}^2$; bê tông nhựa chặt hạt thô (BTN 19,0) rải nóng dày 6cm; tưới thấm bằng nhựa lỏng đông đặc vừa MC70, tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 18cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 18cm; lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 30cm; lớp đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Kết cấu vỉa hè từ trên xuống dưới: tấm bê tông giả đá kích thước (400x400x45)mm; đệm vữa xi măng mác 75, dày 2cm; lớp bê tông xi măng, mác 150, dày 8cm; lớp bạt dứa chống thấm; nền đầm chặt $\geq 0,95$, dày 20cm.

+ Bó vỉa sử dụng loại bó vỉa vát bê tông xi măng M500 giả đá kích thước: (26x23x100)cm trên đoạn thẳng và (26x23x25)cm đối với những đoạn vỉa hè nằm trong đường cong; tấm đan rãnh sử dụng bê tông xi măng cấp độ bền M500 giả đá, kích thước (50x30x6)cm.

- Đầu tư xây dựng 2 bãi đỗ xe tĩnh kết hợp cây xanh: bãi đỗ xe số 01 tại lô đất kí hiệu Bãi xe P3 (giáp với tuyến đường nội bộ số 5,9,10), diện tích 3.590m^2 ; bãi đỗ xe số 02: tại lô đất kí hiệu Bãi xe P4 (giáp với tuyến đường nội bộ số 3,5,7), diện tích 1.482m^2 . Kết cấu sân để xe: lớp BTNC 12,5 dày 7cm, tưới thấm bảm nhũ tương tiêu chuẩn $1\text{kg}/\text{m}^2$, lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, lớp cấp phối đá dăm loại II dày 18cm, lớp móng đất đầm K98 dày 30cm.

+ Hệ thống an toàn giao thông (biển báo, sơn kẻ đường...) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

- Cây xanh: cây xanh được trồng trên hè đường, chiều cao tối thiểu 5,0m, khoảng cách giữa các cây từ (5-10)m; đường kính thân cây (tại vị trí 1,3m tính từ mặt đất) từ (20 - 25)cm. Chiều cao và tán cây đảm bảo không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông, chiều cao phát triển từ (6-8)m. Sử dụng cây hè phố là cây Bàng Đài Loan (Bàng lá nhỏ), khu vực dải cây xanh dọc bờ sông sử dụng cây cọ và cây Hoa Giấy, kết hợp các loại cây bụi để tạo cảnh quan.

- Hệ thống cấp nước: nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ Nhà máy nước Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn. Nguồn nước cấp cho dự án được đầu nối tại 02 điểm cấp nước mới (điểm số 1 đầu với đường ống cấp nước UPVC D280 hiện trạng nằm trên vỉa hè đường Hoàng Đình Kinh - nối thẳng với đường Lê Đại Hành; điểm số 02 đầu nối vào đường ống HDPE hiện trạng D280 trên vỉa hè tại ngã tư giao giữa đường Lý Thái Tổ và đường Bà Triệu) và 1 điểm đầu nối hoàn trả ống hiện trạng với đường ống D110 trên đường Chu Văn An. Tuyến ống cấp nước gồm ống phân phối và ống dịch vụ; ống phân phối sử dụng ống nhựa HDPE đường kính $D = 200\text{mm}$, $D = 125\text{mm}$ và $D = 110\text{mm}$; ống dịch vụ sử dụng ống HDPE đường kính $D = 63\text{mm}$. Mạng lưới đường ống được thiết kế theo mạng vòng kết hợp với mạng cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục; trên tuyến ống phân phối bố trí các trụ cứu hỏa cấp nước chữa cháy. Hệ thống ống cấp nước sinh hoạt đi ngầm trong đất, tại các vị trí qua đường ống được luồn trong ống thép.

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mưa: nước mưa từ mặt đường, vỉa hè chảy về hệ thống đan rãnh, được thu vào các hố ga, sau đó theo hệ thống cống dọc các

tuyến đường (cống tròn BTCT đường kính $D=600mm$, $D=800mm$, $D=1.000mm$, $D=1.500mm$), thoát ra cống hộp phía Tây khu tái định cư và thoát ra sông. Hướng thoát nước chảy từ phía Đông chảy về phía Tây của khu tái định cư, dân cư, chảy vào cống hộp, thoát ra sông tại Phía Nam dự án.

+ Hệ thống thoát nước thải: hệ thống thoát nước thải thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mưa; nước thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình chảy ra rãnh thu nước thải, kết nối với hệ thống thoát nước thải dọc tuyến Lý Thái Tổ và chảy vào hệ thống thoát nước trước Sở Tư pháp. Hướng thoát nước từ phía Đông về phía Tây của dự án. Rãnh thoát nước thải B300 bằng gạch không nung xây vữa xi măng M75 trên lớp móng bê tông xi măng M150.

12.3. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ tuyến ĐDK 22kv lộ 473 E13.2 nhánh UBTP-NMXM, xây dựng mới 02 cột trên vỉa hè sát ranh giới dự án làm cột đầu nối giữa cáp ngầm và đường dây hiện có. Từ vị trí cột đầu nối, xây dựng mới tuyến cáp ngầm trung thế sử dụng loại cáp 24Kv-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC/WATER $3 \times 240mm^2$, cấp cho 02 trạm biến áp đặt tại vị trí lô C.X.TDĐT 05 và lô C.X.TDĐT 07. Từ trạm biến áp cấp điện đến các tủ điện phân phối được đặt trên vỉa hè, từ tủ điện phân phối cấp điện đến các hộ tiêu thụ điện.

- Cấp điện chiếu sáng: đầu tư 02 tủ điều khiển chiếu sáng 600V-50A, sử dụng loại tủ có khả năng mở rộng tích hợp thu phát thông minh; tuyến đường dây chiếu sáng 0,4kV được luồn trong ống nhựa, chôn ngầm trong đất trên vỉa hè, cấp điện và điều khiển cột đèn chiếu sáng và cột đèn chiếu sáng trang trí. Các cột đèn chiếu sáng giao thông sử dụng loại cột thép bát giác côn liền, cần cao 8m, đèn led 220V-80W và 220V-50W, các đèn chiếu sáng đường sử dụng loại đèn tích hợp thu phát sóng thông minh. Cột đèn chiếu sáng trang trí sử dụng loại cột đèn cao 3,5m, chùm 4 bóng cầu led 220V-12W.

- Kè gạch xây: gồm 2 vị trí. Vị trí 1 kè hai bên trái phải tuyến số 1 bằng kè gạch xây có chiều dài $L=32m$ bên tay phải, chiều dài $L=46m$ bên tay trái (hướng từ Lý Thái Tổ đi về tuyến 4); vị trí 2 tại khu vực tiếp giáp lô đất tái định cư 06 với đường bê tông ngõ 43 Lê Đại Hành, chiều dài 115m. Kết cấu kè bằng gạch chỉ xây vữa M75 trên lớp lót móng bằng bê tông xi măng M150 đổ tại chỗ.

- Tường chắn và lan can dọc bờ sông: xây dựng tường chắn đất bê tông cốt thép kết hợp lan can bê tông cốt thép chiều dài 480m khu vực giải cây xanh dọc bờ sông Kỳ Cùng, chiều cao trung bình 3,0m. Kết cấu tường chắn bằng bê tông cốt thép mác 400 đổ tại chỗ trên lớp đệm móng đá dăm 10cm, bên trong tường chắn bố trí các ống thoát nước kết hợp đá dăm bọc vải địa kỹ thuật làm tầng lọc ngược bố trí 2m/1 ống. Lan can đỉnh kè xây dựng bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ liên kết với đỉnh tường chắn.

- Kè bờ sông Kỳ Cùng: xây dựng hệ thống kè gia cố mái bờ sông Kỳ Cùng, kết nối với dự án kè sông đến phạm vi thiết kế tường chắn giải cây xanh dọc bờ sông, chiều dài kè 180m. Kết cấu kè sử dụng dầm bằng bê tông cốt thép

mác 250 trên lớp bê tông lót M150, dày 10cm tạo khung giằng, bên trong gia cố bằng các tấm bê tông ốp mái.

13. Tổng mức đầu tư xây dựng: 690.312.500.000 đồng, trong đó:
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC: 380.940.914.000 đồng;
 - Chi phí xây dựng: 192.171.357.000 đồng;
 - Chi phí thiết bị: 5.590.945.000 đồng;
 - Chi phí tư vấn quản lý dự án: 3.100.913.000 đồng;
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 7.502.677.000 đồng;
 - Chi phí khác: 4.453.262.000 đồng;
 - Chi phí dự phòng: 96.552.432.000 đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2023-2026.

15. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư dự án: năm 2021 - 2022.
- Thực hiện đầu tư dự án: năm 2023 - 2026.

16. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công.

17. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh